TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị K** - sinh năm 1983

HKTT: Số 102/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 60, thôn 6, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Phụng L** - sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 102/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà K, ông L cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Bùi Thị K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông L có quen biết tìm hiểu 01 năm và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2004. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại số 102/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của cha mẹ chồng.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ nhiều năm nhưng gay gắt vào khoảng năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, trong

cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, thậm chí ông L là người không có trách nhiệm với gia đình thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập tôi nhiều lần, tôi đã cho ông L rất nhiều cơ hội để sửa đổi, tuy nhiên ông L vẫn chứng nào tật nấy, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Khoảng năm 2020 ông L bị tai nạn giao thông trên bệnh viện tôi vẫn chăm lo, chăm sóc cho ông, tuy nhiên khi từ bệnh viện về nhà ông thường xuyên gây sự, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, tôi đã chịu đựng thời gian dài trước đó nên tôi chán nản, không thể tiếp tục chung sống cùng ông L, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tôi đã bỏ về nhà cha mẹ tại B, Lâm Đồng từ khoảng cuối năm 2020 để sinh sống cho đến nay, còn ông L vẫn ở tại nhà cha mẹ chồng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, tôi chỉ thỉnh thoảng về thăm các con, tôi vẫn thường xuyên hỏi thăm các con qua điện thoại và gửi tiền tiêu vặt cho các con khi tôi về nhà cậu tôi ở G. Từ khi ly thân vợ chồng đều không có ý thức hàn gắn tình cảm, có thái độ bỏ mặc, không quan tâm cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Ngô Phụng L để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Ngô Minh T, sinh ngày 22/09/2004; cháu Ngô Bùi Hồng Y, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Ngô Bùi Hồng O, sinh ngày 05/9/2011. Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu Ngô Bùi Hồng Y và Ngô Bùi Hồng O cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng để không làm thay đổi cuộc sống của các cháu, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng ông L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Riêng cháu Ngô Minh T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay tôi làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Hiện nay các con đang sống cùng bà nội và ông L.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2022 bị đơn ông Ngô Phụng L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Bùi Thị K quen biết tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện D, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2004. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn xong vợ chồng chung sống với nhau tại số 102/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của cha mẹ tôi.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2020 do tôi bị tai nạn xe nên tạm thời mất khả năng lao động, không còn khả năng làm ra thu nhập lo cho kinh tế gia đình, từ đó bà K không còn muốn quan tâm chăm sóc cho tôi, bản thân tôi bị bệnh đều do một tay mẹ tôi là bà Thạch Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay. Sau khi tôi bị tai nạn một thời gian bà K cũng đã bỏ nhà đi đến nay. Từ khi bà K bỏ đi đến nay chỉ về nhà được 2,3 lần rồi đi ngay. Bà cũng không chu cấp tiền nuôi dưỡng các con,

một tay mẹ tôi phải lo cho các cháu. Bà K là người phụ nữ không có trách nhiệm với gia đình, con cái, bỏ bê chồng con không quan tâm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà K nộp đơn ly hôn tôi đồng ý theo yêu cầu của bà K tuy nhiên do tôi bị bệnh không có điều kiện lên Tòa án để làm việc. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Ngô Minh T, sinh ngày 22/09/2004; cháu Ngô Bùi Hồng Y, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Ngô Bùi Hồng O, sinh ngày 05/9/2011. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Bùi Hồng Y và Ngô Bùi Hồng O và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngô Minh T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tôi bị tai nạn chưa bình phục hẳn nên chưa có thu nhập, tuy nhiên tôi sống cùng mẹ ruột, các em tôi làm ăn nước ngoài nên có điều kiện gửi tiền về để chăm lo cuộc sống của gia đình tôi. Ngoài ra cháu T cũng đã đi làm và phụ giúp gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị K được ly hôn với ông Ngô Phụng L.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Bùi Hồng Y, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Ngô Bùi Hồng O, sinh ngày 05/9/2011 cho ông Ngô Phụng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Riêng Ngô Minh T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà Bùi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn ông Ngô Phụng L hiện đang cư trú tại số 102/4E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị K và ông Ngô Phụng L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2004. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của bà K và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cả ông L và bà K đề thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng ông L và bà K đã xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống với nhau, mâu thuẫn gay gắt vào năm 2020 phần lớn nguyên nhân do vợ chồng không có sự thông cảm, thấu hiểu cho nhau, sau khi ông L bị bệnh phải nằm điều trị tại nhà không có điều kiện đi làm và có thu nhập nên vợ chồng mâu thuẫn gay gắt. Vợ chồng ly thân nhau khoảng gần 02 năm nay và không quan tâm cuộc sống của nhau, điều này thể hiện ông L và bà K đều không có trách nhiệm đối với cuộc sống hôn nhân và có thái độ bỏ mặc do cả hai đều nhận thấy đã hết tình cảm và không còn muốn gắn bó với nhau.

Theo cả nguyên đơn bà K và bị đơn ông L đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, cả hai đều thừa nhận quá trình sống ly thân vợ chồng không còn qua lại với nhau, ông L đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của bà K tuy nhiên do khó khăn trong đi lại nên ông không thể lên Tòa án làm việc. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của ông L để xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà K cùng với đó đến nhà ông L để lấy lời khai, ông L đồng ý cung cấp lời khai và nhận các văn bản giấy tờ của Tòa án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp ông bà có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông L không đến tham gia hòa giải với lý do đi lại khó khăn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy có thể nhận thấy cả bà K

và ông L đều không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà K đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Ngô Minh T, sinh ngày 22/09/2004; cháu Ngô Bùi Hồng Y, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Ngô Bùi Hồng O, sinh ngày 05/9/2011. Hiện các con chung đang sống cùng ông L và bà nội các cháu.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng bà K và ông L xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, các con chung do ông L và bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L và bà K đều thống nhất ý kiến với nhau về việc giao các cháu Ngô Bùi Hồng Y và Ngô Bùi Hồng O cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của ông bà trong vấn đề này. Ông L mặc dù hiện nay tạm thời không có đủ sức khỏe để lao động tuy nhiên ông có mẹ ruột là bà Thạch Thị S sống cùng nhà và được các em đi làm nước ngoài gửi tiền về chăm lo cho ông và gia đình, ngoài ra cháu T cũng đã có việc làm nên có thể phụ giúp ông thêm trong vấn đề kinh tế gia đình và nuôi các em ăn học, vì vậy nên ông L có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ và căn cứ vào nguyện vọng của các cháu muốn được tiếp tục sống cùng ba nên cần tiếp tục giao cháu Ngô Bùi Hồng Y và Ngô Bùi Hồng O cho ông L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà K đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng ông L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà K và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị K về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị K được ly hôn với ông Ngô Phụng L.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ngô Bùi Hồng Y, sinh ngày 26/5/2007 và cháu Ngô Bùi Hồng O, sinh ngày 05/9/2011 cho ông Ngô Phụng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng ông L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu Ngô Minh T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Bà Bùi Thị K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Bùi Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008998 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bà Bùi Thị K và ông Ngô Phụng L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã H, H. D, T. Lâm Đồng (số ĐKKH 25 ngày 11/5/2004);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

Phan Ngọc Thành